

PHỤ LỤC

Các khoản lệ phí đối với việc giải quyết dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Kèm theo Tờ trình số: 76 /TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

STT	Danh mục lệ phí (thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh) đối với việc giải quyết dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến	Đơn vị tính	Quy định mức thu hiện hành (đồng)	Nghị quyết (Số.../ngày...tháng)	Mức thu khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến	
					Tỷ lệ % theo quy định hiện hành	Mức thu cụ thể
1	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng					
1.1	Cấp giấy phép xây dựng đối với					
a	Nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép)	đồng/1 giấy phép	50.000	NQ số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương	50%	25.000
b	Công trình còn lại	đồng/1 giấy phép	150.000		50%	75.000
1.2	Gia hạn giấy phép xây dựng	đồng/lần	15.000		50%	7.500
2	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (trong và ngoài khu công nghiệp)					
2.1	Cấp lần đầu	đồng/1 giấy phép	600.000	NQ số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương	50%	300.000
2.2	Cấp lại	đồng/1 giấy phép	450.000	NQ số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương	50%	225.000
2.3	Gia hạn	đồng/1 giấy phép	450.000	NQ số 02/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh Hải Dương	50%	225.000

STT	Danh mục lệ phí (thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh) đối với việc giải quyết dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến	Đơn vị tính	Quy định mức thu hiện hành (đồng)	Nghị quyết (Số.../ngày...tháng)	Mức thu khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến	
					Tỷ lệ % theo quy định hiện hành	Mức thu cụ thể
2.4	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	đồng/1 giấy phép	450.000	NQ số 02/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh Hải Dương	50%	225.000
3	Lệ phí hộ tịch					
3.1	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND xã, phường, thị trấn					
a	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	Đồng/lần	5.000	NQ số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 HĐND tỉnh Hải Dương	50%	2.500
b	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	Đồng/lần	5.000		50%	2.500
c	Kết hôn (đăng ký lại kết hôn)	Đồng/lần	25.000		50%	12.500
d	Nhận cha, mẹ, con	Đồng/lần	10.000		50%	5.000
e	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	Đồng/lần	10.000		50%	5.000
f	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Đồng/lần	10.000		50%	5.000
h	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác	Đồng/lần	5.000		50%	2.500

STT	Danh mục lệ phí (thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh) đối với việc giải quyết dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến	Đơn vị tính	Quy định mức thu hiện hành (đồng)	Nghị quyết (Số.../ngày...tháng)	Mức thu khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến	
					Tỷ lệ % theo quy định hiện hành	Mức thu cụ thể
3.2	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện					
a	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	Đồng/lần	55.000	NQ số 17/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hải Dương	50%	27.500
b	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử)	Đồng/lần	55.000		50%	27.500
c	Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn)	Đồng/lần	1.000.000		50%	500.000
d	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	Đồng/lần	55.000		50%	27.500
đ	Nhận cha, mẹ, con	Đồng/lần	1.000.000		50%	500.000
f	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	Đồng/lần	25.000		50%	12.500
g	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Đồng/lần	55.000		50%	27.500
h	Đăng ký hộ tịch khác	Đồng/lần	55.000		50%	27.500

STT	Danh mục lệ phí (thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh) đối với việc giải quyết dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến	Đơn vị tính	Quy định mức thu hiện hành (đồng)	Nghị quyết (Số.../ngày...tháng)	Mức thu khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến	
					Tỷ lệ % theo quy định hiện hành	Mức thu cụ thể
4	Lệ phí đăng ký kinh doanh					
4.1	Lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân (bao gồm cả cấp đổi, cấp lại)	1 lần cấp	100.000	NQ số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Hải Dương	50%	50.000
4.2	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã	1 lần cấp	150.000	NQ số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương	50%	75.000
4.3	Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (chứng nhận hoặc thay đổi)	đồng/lần	30.000	NQ số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương	50%	15.000
5	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất lần đầu					
5.1	Cấp lần đầu					
a	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất	đ/giấy				
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/giấy	25.000		50%	12.500
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/giấy	13.000		50%	6.500
	- Tổ chức	đ/giấy				

STT	Danh mục lệ phí (thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh) đối với việc giải quyết dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến	Đơn vị tính	Quy định mức thu hiện hành (đồng)	Nghị quyết (Số.../ngày...tháng)	Mức thu khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến	
					Tỷ lệ % theo quy định hiện hành	Mức thu cụ thể
	+ Dưới 500m ²	đ/giấy	60.000	NQ số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương	50%	30.000
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	đ/giấy	80.000		50%	40.000
	- Từ 1000m ² trở lên	đ/giấy	100.000		50%	50.000
b	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất					
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/giấy	80.000		50%	40.000
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/giấy	40.000		50%	20.000
	- Tổ chức					
	+ Dưới 500m ²	đ/giấy	250.000		50%	125.000
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	đ/giấy	300.000		50%	150.000
	+ Từ 1000m ² trở lên	đ/giấy	400.000		50%	200.000
5.2	Lệ phí cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận					
a	Cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận, xác nhận bổ sung chỉ về đất					
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/lần	20.000	50%	10.000	

STT	Danh mục lệ phí (thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh) đối với việc giải quyết dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến	Đơn vị tính	Quy định mức thu hiện hành (đồng)	Nghị quyết (Số.../ngày...tháng)	Mức thu khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến	
					Tỷ lệ % theo quy định hiện hành	Mức thu cụ thể
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/lần	10.000	NQ số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương	50%	5.000
	- Tổ chức					
	+ Dưới 500m ²	đ/lần	20.000		50%	10.000
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	đ/lần	20.000		50%	10.000
	+ Từ 1000m ² trở lên	đ/lần	20.000		50%	10.000
b	Cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất					
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/lần	20.000		50%	10.000
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/lần	10.000		50%	5.000
	- Tổ chức					
	+ Dưới 500m ²	đ/lần	30.000		50%	15.000
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	đ/lần	40.000		50%	20.000
	+ Từ 1000m ² trở lên	đ/lần	50.000		50%	25.000

STT	Danh mục lệ phí (thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh) đối với việc giải quyết dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến	Đơn vị tính	Quy định mức thu hiện hành (đồng)	Nghị quyết (Số.../ngày...tháng)	Mức thu khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến	
					Tỷ lệ % theo quy định hiện hành	Mức thu cụ thể
c	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất (kể cả cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung) thì mức thu bằng mức thu khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất				50%	